

Đương Sát: Nguyễn Hồng Phúc - Dương Nam
 Cung mệnh: Canh Thìn - Thai Nguyên: Ất Hợi
 Thân Vượng: Kim 38/50
 Dụng Thần: Mộc Hỏa

XemTuong.net
 lá số tử trù và bình giải

| Trụ Năm 2020 | | | Trụ Tháng 08 | | | Trụ Ngày 25 | | | Trụ Giờ 10:01 | | |
|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------|--------------------------------|
| Tỷ CANH | TÝ Quý Thương Tử | L.Quan | T.Tài GIÁP | THÂN | Tuyệt Canh Mậu Tỷ L.Quan | Thân CANH | Thương TÝ Quý Thương Tử | L.Quan Tử | Kiếp TÂN | Đ.Vượng TỬ | Đ.Vượng |
| Tử | | | Lâm Quan | | | Tử | | | Bính Sát Bệnh | Mậu Kiêu Bệnh | Canh Tỷ L.Quan |
| Tướng Tinh | | | Kiến Lộc | | | Tướng Tinh | | | Trường Sinh | | |
| Đại Vận 0 (0 - 3 tuổi) | | | Đại Vận 1 (4 - 13 tuổi) | | | Đại Vận 2 (14 - 23 tuổi) | | | Đại Vận 3 (24 - 33 tuổi) | | |
| T.Tài GIÁP | THÂN | Tuyệt Canh Mậu Tỷ L.Quan | Tài ẤT | DẬU | Tuyệt Tân Kiếp L.Quan | Sát BÍNH | TUÁT | Mộ | Quan ĐINH | HỢI | Thai |
| Kiếp MÃU | TÝ Quý Thương L.Quan | Thai | Ấn KỶ | SƯU | Mộ Quý Thương Mộ | Đinh Mậu Kiêu Mộ | DÂN | Tuyệt Mậu Kiêu Dưỡng | Giáp T.Tài | Nhâm Thực T.Sinh | Giáp Nhâm Thực L.Quan |
| Đại Vận 4 (34 - 43 tuổi) | | | Đại Vận 5 (44 - 53 tuổi) | | | Đại Vận 6 (54 - 63 tuổi) | | | Đại Vận 7 (64 - 73 tuổi) | | |
| Kiếp MÃU | TÝ Quý Thương L.Quan | Thai | Ấn KỶ | SƯU | Mộ Quý Thương Mộ | Tỷ CANH | DÂN | Tuyệt Mậu Kiêu T.Sinh | Kiếp TÂN | MÃO | Tuyệt Ất Tài L.Quan |
| Đại Vận 8 (74 - 83 tuổi) | | | Đại Vận 9 (84 - 93 tuổi) | | | Đại Vận 10 (94 - 103 tuổi) | | | Đại Vận 11 (104 - 113 tuổi) | | |
| Thực NHÂM | THÌN | Mộ Quý Thương Q.Đói | Thương QUÝ | TÝ | Thai Canh Mậu Kiêu T.Sinh | T.Tài GIÁP | NGỌ | Tuyệt Mậu Kiêu T.Sinh | Tài ẤT | MÙI | Dưỡng Đinh Tài Q.Đói |
| Tỷ CANH | TÝ | Tử | Kiếp TÂN | SƯU | Dưỡng | NHÂM | DÂN | Bệnh | Án KỶ | DẬU | Suy |
| Tài ẤT | TÝ | M.Dục | Sát BÍNH | NGỌ | Đ.Vượng | ĐINH | MÙI | Q.Đói | Án KỶ | 2029 | 10 tuổi |
| Tỷ CANH | TUÁT | Suy | Kiếp TÂN | HỢI | M.Dục | Thực NHÂM | TÝ | Đ.Vượng | 2030 | 11 tuổi | Đinh Tài Q.Đói |
| Tài ẤT | MÃO | L.Quan | Sát BÍNH | THÌN | Q.Đói | Quan ĐINH | 17 tuổi | 18 tuổi | Án KỶ | 2039 | 20 tuổi |
| Tỷ CANH | THÂN | L.Quan | Kiếp TÂN | DẬU | L.Quan | Thực NHÂM | TUÁT | Q.Đói | Án KỶ | 2040 | 21 tuổi |
| Tài ẤT | SƯU | Suy | Sát BÍNH | DÂN | 27 tuổi | Quan ĐINH | MÃO | 28 tuổi | Án KỶ | 2044 | 25 tuổi |
| Tỷ CANH | 2020 | 1 tuổi | Kiếp TÂN | 2021 | 2 tuổi | Thực NHÂM | DÂN | 3 tuổi | 2023 | 4 tuổi | T.Tài GIÁP |
| Tài ẤT | 2025 | 6 tuổi | Sát BÍNH | 2026 | 7 tuổi | Quan ĐINH | MÙI | 8 tuổi | 2028 | 9 tuổi | THÌN |
| Tỷ CANH | 2030 | 11 tuổi | Kiếp TÂN | 2031 | 12 tuổi | Thực NHÂM | TÝ | 13 tuổi | 2033 | 14 tuổi | 2034 |
| Tài ẤT | 2035 | 16 tuổi | Sát BÍNH | 2036 | 17 tuổi | Quan ĐINH | ĐINH | 18 tuổi | 2038 | 19 tuổi | 2039 |
| Tỷ CANH | 2040 | 21 tuổi | Kiếp TÂN | 2041 | 22 tuổi | Thực NHÂM | 2042 | 23 tuổi | 2043 | 24 tuổi | 2044 |
| Tài ẤT | 2045 | 26 tuổi | Sát BÍNH | 2046 | 27 tuổi | Quan ĐINH | 2047 | 28 tuổi | Kiếp MÃU | 2048 | 30 tuổi |
| Tỷ CANH | 2050 | 31 tuổi | Kiếp TÂN | 2051 | 32 tuổi | Thực NHÂM | 2052 | 33 tuổi | Thương QUÝ | 2053 | 35 tuổi |
| Tài ẤT | 2055 | 36 tuổi | Sát BÍNH | 2056 | 37 tuổi | Quan ĐINH | 2057 | 38 tuổi | Kiếp MÃU | 2058 | 40 tuổi |
| Tỷ CANH | 2060 | 41 tuổi | Kiếp TÂN | 2061 | 42 tuổi | Thực NHÂM | 2062 | 43 tuổi | Thương QUÝ | 2063 | 45 tuổi |
| Tài ẤT | 2065 | 46 tuổi | Sát BÍNH | 2066 | 47 tuổi | Quan ĐINH | 2067 | 48 tuổi | Kiếp MÃU | 2068 | 50 tuổi |
| Tỷ CANH | 2070 | 51 tuổi | Kiếp TÂN | 2071 | 52 tuổi | Thực NHÂM | 2072 | 53 tuổi | Thương QUÝ | 2073 | 55 tuổi |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|------------|-------------|------------------|-------------|--------------|-----------------|--------------|-------------|-------------------|-------------|--------------|---------------|----------|-------------|-----------------|
| I ÁI ẤT | 2075 MÙI | 56 tuổi Dưỡng | Sát BÍNH | 2076 THÂN | 57 tuổi Bệnh | Quan ĐỊNH | 2077 DẬU | 58 tuổi T.Sinh | Kiều MÃU | 2078 TUẤT | 59 tuổi Mộ | An KỶ | 2079 HỢI | 60 tuổi Thai |
|------------|-------------|------------------|-------------|--------------|-----------------|--------------|-------------|-------------------|-------------|--------------|---------------|----------|-------------|-----------------|

Kim | Hỏa | Thủy | Thủ | Mộc | ⚡ Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc lá số tú trù này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trù, bát tự hay tú trù là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bồi khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trù là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trù và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trù được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trù này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trù này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!
[Xemuong.net](#)

Phân Tích Lá Số Tú Trù

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trù năm [Tý Thủy](#) được Thông căn Mộ *.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trù tháng Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trù ngày [Tý Thủy](#) được Thông căn Mộ *.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trù giờ [Ty Hỏa](#) không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 5.5/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm Canh sinh tháng Thân tọa ở **Lâm Quan** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Giáp** sinh tháng Thân tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Canh** sinh tháng Thân tọa ở **Lâm Quan** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Tân** sinh tháng Thân tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Át Hợi** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: **Át Sửu** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Hợi Sửu này thuộc nhóm Tỵ Dậu Sửu tam hợp Kim, tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Át Hợi** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh Canh **Thìn** nạp âm là Kim là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Cháu ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Át Hợi** nạp âm là **HỎA**, gặp trù năm Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Át Hợi** nạp âm là **HỎA**, gặp trù tháng **Giáp** Thân nạp âm là **Thủy** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Át Hợi** nạp âm là **HỎA**, gặp trù ngày Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Át Hợi** nạp âm là **HỎA**, gặp trù giờ Tân **Tỵ** nạp âm là Kim là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trù này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trù kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trù này để bồ túc cho tú trù, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trù Năm Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trù Tháng **Giáp** Thân là Kim khắc **Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trù Ngày Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trù Giờ Tân **Tỵ** là **HỎA** khắc Kim.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trù thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 4/8

Xét thiên can địa chi trù ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Tý Tỵ này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Tý Thân này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Canh Tý và Tân Tỵ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Vượng: Kim 38/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trù thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân Kim Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **38/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng như trước mà ở đây **20/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Cháu là **Thân Vượng** Kim. Để Quý Cháu Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân

vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng Kim thì dụng thần nên là **Hỏa** để khắc bớt Kim, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phun, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chết úng.

Dụng Thần: Mộc Hỏa (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là **Mộc** (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Cháu vì **Mộc** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là **Hỏa** (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **HỎA** đều tốt cho Quý Cháu vì **HỎA** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Cháu nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Cháu là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Cháu là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để

khắc hâm bớt thân vượng. Quý Cháu hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Cháu có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Cháu, ví dụ chữ dụng thần Quý Cháu có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Cháu hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Cháu, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Cháu mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Canh Tý bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

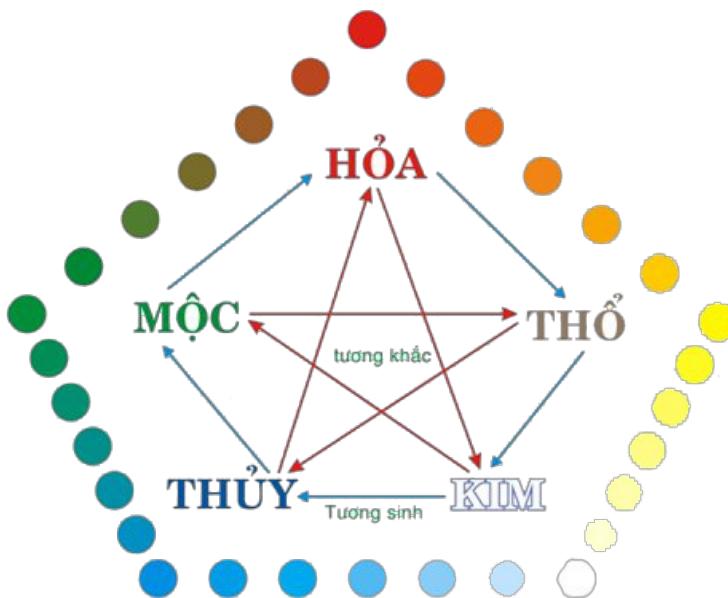
Trụ Tháng Giáp Thân bị **Canh Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Canh Dần**.

Trụ Ngày Canh Tý bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

Trụ Giờ Tân Tỵ bị **Đinh Hợi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Hợi**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Cháu nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Cháu, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Cháu hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

| Ngũ hành | Mộc | HỎA | THỔ | Kim | Thủy |
|----------------------|----------------|----------------------|-------------------|-------------|-------------------|
| Thời gian trong ngày | Rạng sáng | Giữa trưa | Chiều | Tối | Nửa đêm |
| Giai đoạn | Sinh Dương cực | Hoàn chỉnh Dương cực | Âm-Dương cân bằng | Sinh Âm cực | Hoàn chỉnh Âm cực |
| Năng lượng | Nảy sinh | Mở rộng | Cân bằng | Thu nhỏ | Bảo tồn |

| Ngũ hành | Mộc | HỎA | Thổ | Kim | Thủy |
|--------------|-------------|------------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bốn mùa | Xuân | Hạ | Giao mùa (18 ngày cuối các mùa) | Thu | Đông |
| Thời tiết | Gió (Ấm) | Nóng | Âm | Mát (sương) | Lạnh |
| Màu sắc | Xanh Lục | Đỏ | Vàng | Trắng/Da Cam | Đen/Xanh lam |
| Thế đất | Dài | Nhỏ | Vuông | Tròn | Ngoắn ngèo |
| Trạng thái | Sinh | Trưởng | Hóa | Thâu | Tàng |
| Vật biểu | Thanh Long | Chu Tước | Kỳ Lân | Bạch Hổ | Huyền Vũ |
| Mùi vị | Chua | Đắng | Ngọt | Cay | Mặn |
| Cơ thể | Gân | Mạch | Thịt | Da lông | Xương tuỷ não |
| Ngũ tạng | Can (gan) | Tâm (tim) | Tỳ (hệ tiêu hoá) | Phế (phổi) | Thận |
| Lục phủ | Đởm (mật) | Tiểu trướng (ruột non) | Vị (dạ dày) | Đại trướng (ruột già) | Bàng quang |
| Ngũ khiếu | Mắt | Lưỡi | Miệng | Mũi | Tai |
| Ngũ tân | Bùn phân | Mồ hôi | Nước dãi | Nước mắt | Nước tiểu |
| Ngũ đức | Nhân | Lễ | Tín | Nghĩa | Trí |
| Xúc cảm | Giận | Mừng | Lo | Buồn | Sợ |
| Giọng | Ca | Cười | Khóc | Nói (la, hét, hô) | Rên |
| Thú nuôi | Chó | Dê/Cừu | Trâu/Bò | Gà | Heo |
| Hoa quả | Mận | Mơ | Táo tàu | Đào | Hạt dẻ |
| Ngũ cốc | Lúa mì | Đậu | Gạo | Ngô | Hạt kê |
| Thập can | +Giáp, -Ất | +Bính, -Đinh | +Mậu, -Kỷ | +Canh, -Tân | +Nhâm, -Quý |
| Thập nhị chi | +Dần, -Mão | -Tỵ, +Ngọ | +Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi | +Thân, -Dậu | +Tý, -Hợi |
| Trạng Thái | Sinh Trưởng | Nhiệt Năng | Đất Đại | Cứng rắn, Cố kết | Lưu Động, Không ngừng |

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cầm vuông, nhân trung sâu; tóc thừa, sợi nhỏ và xanh mướt; tay tròn trịa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao.Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.

Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác...

Quý Cháu Người Thuộc Kim Vượng

Người mà thuộc Kim vượng là người có vóc dáng không gầy, cũng không béo, mắt sâu, lông mày cao, da trắng và đẹp, tác phong quyết đoán, trọng nghĩa khinh tài, giàu lòng tự trọng.Người mà Kim quá vượng thường là kẻ hữu dụng vô mưu nhưng lại tham lam, bất nhân bất nghĩa. Người mà Kim quá vượng thường dễ mắc các bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản...

Cung Mệnh ở Thìn sao Thiên nhu

Quý Cháu cơ mưu tháo vát, nhiều việc.

Trụ năm của Quý Cháu có Tỷ

Trụ năm có tỷ kiêm (tỉ) có khuynh hướng độc lập tự thân vận động.

Trụ tháng của Quý Cháu có Thiên Tài

Trụ tháng thiên tài có giờ kiếp tài (kiếp) thì trước giàu sau nghèo. Trường hợp năm tháng can cùng thiên tài thì bối nǎm quyền hai nhà hoặc làm con nuôi. Trường hợp can chi đều thiên tài (tài) thì xa nhà thì làm ăn phát đạt.

Trụ ngày của Quý Cháu có Thương Quan

Trụ ngày có thương quan (thương) thì bạn đời tướng mạo đẹp đẽ nhưng hay nói dối. Riêng phái nữ nếu có dương nhẫn thì tái hôn hoặc sinh ly tử biệt. Nếu ngày có thương quan và giờ có sao tài thì trung niên phát đạt. Nếu ngày chủ suy thì hình vận thương quan thì tai nạn bất trắc, thân thể tổn thương.

Trụ giờ của Quý Cháu có Kiếp Tài

Trụ giờ có kiếp tài (kiếp) thì con cái nhiệt tình, tính cương trực, thích đầu cơ, thủ lợi, hay độc đoán. Nếu có thương quan (thương) ở cùng trụ thì tổn đến con cái. Nếu Kiếp tài, thương quan, dương nhẫn cùng trụ thì gây dựng sự nghiệp khó.

Trong tú trụ Quý Cháu có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

Trụ giờ có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trong tú trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Või thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Või hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

Trụ giờ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Chi giờ gặp sống dê chủ về khắc vợ khắc con hoặc cuối năm hay gặp tai họa, nếu gặp tài quan thì họa khá sâu, tương xung hoặc tương hợp với tuế vận thì tai họa ập đến ngay.

Tú Trụ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sống dê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sống dê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ giờ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Giờ có Sông dê: về già có họa, tổn thương con cái, ngày vận yếu thì không sao.

Học Đường (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)

Học đường, từ quán chủ về tú khí phát sinh, thông minh khéo léo, văn chương nổi tiếng, cuộc đời giàu sang.

Nên được sinh vượng không nên bị khắc hại, xung, phá.

Nếu có thiên át quý nhân hoặc cát tinh phù trợ thì tốt, nếu không thì tài năng khó thi thoả, ý chí bị bó buộc.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139)

Lộc là tước lộc, nhờ có thế lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh.

Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc.

Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỵ thấy khắc.

Lộc mã tử suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên.

Lộc sợ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không.

Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chúc, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ.

Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đói mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác.

Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha.

Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh

cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc.

Tướng tinh (trích sách Dụ Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đao lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong trách nhiệm luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không ghen rố trong tập thể.

Trụ năm gặp đất trường sinh đế vượng

Trụ năm gặp đất trường sinh đế vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khoẻ trường thọ.

Can năm Quý Cháu được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

Chi năm Quý Cháu được lệnh tháng sinh là mẹ trường thọ

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm Quý Cháu sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hổ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên

đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bồ mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànх tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giànх giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tǐ kiếp khắc cha.

Tứ trụ Quý Cháu có Tỉ kiếp trùng trùng thì nhất định khắc cha.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Trên trụ năm gấp tử, tuyệt, mộng địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Lệnh tháng kiến lộc là khó giữ được tổ nghiệp

Trụ năm là thất sát, tǐ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Năm tháng không có tài, quan, ngày giờ không có tài quan là tự mình phán đấu làm nên cơ nghiệp.

Trụ năm có thất sát, tǐ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Cháu gấp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Lệnh tháng Quý Cháu gấp xung là anh em mỗi người một phương.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nam tuổi Canh **Tý** hợp với Nữ tuổi Tân **Dần** - **Mậu** Thân - **Kỷ** Dậu về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề

phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tự ý chọn.

Trụ ngày Quý Cháu tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Canh Tý là Kim sinh Thủy.

Trụ ngày Quý Cháu bị thương quan là vợ chồng không hòa thuận nhau, mìn hay bị đối phương chửi.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Nam gặp tì kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tì kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Cháu Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Chi ngày Quý Cháu là tí ngọ mão dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Cháu lấy vượng làm phúc.

Quý Cháu Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Cháu Người trong Tứ trụ không có kình dương, hành vận đến lúc gặp kình dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Cháu có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Cháu có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Quý Cháu có Trụ năm, trụ ngày cùng ngôi thì lấy vợ cùng tuổi mới đỡ bị khắc.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Lệnh tháng Quý Cháu có kiến lộc, đến vận lại gặp tài quan thì tự nhiên phát lên giàu có.

Quý Cháu có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Quý Cháu có Thiên tài và thiên lộc, là cửa tự nhiên không lao động mà có, là được hưởng phúc săn có.

Quý Cháu Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có ché ngự là người đại quý.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Kiếp tài không nên gặp vượng địa, mà Quý Cháu lại gặp kiếp tài vượng địa thì hao tài.

Quý Cháu Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Quý Cháu Tỉ, kiếp nhiều nếu đến đại vận lưu niên mà gặp tỉ kiếp là năm đó phá tài, ra cửa quan (bị ra tòa).

Tú trụ Quý Cháu không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Cháu có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

Quan Vận

Thất Sát Quý Cháu có ché ngự, hưởng lộc phong hậu.

Trụ Quý Cháu không Tài cũng không có Quan, khó mà có chức tước.

Thiên Quan Quý Cháu bị ché phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Cháu Có Sát không có Ân thiêng văn tài.

Quý Cháu Nhật yếu Thực Thương lại nhiều, sợ học.

Quý Cháu có Tỷ Kiên gặp Lộc, anh em danh cao.

Quý Cháu có Thương Quan không có chút Tài tinh, tuy thông minh cơ xảo cũng chỉ hư danh hư lợi.

Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Cháu có Thương Quan Thương tận, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Cháu có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Nhật chủ quá yếu, hợp mày nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Quý Cháu Thân vượng, Tỷ Kiên mạnh, tránh kinh doanh hoặc đầu cơ mạo hiểm, tốt nhất làm công chức hoặc làm ăn ổn định.

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Kim thủy Thương Quan, giỏi hùng biện, hợp những nghề ăn nói, MC, tuyên truyền...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Mộc

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Mộc, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Hỏa

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thắt sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Cháu có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can Quý Cháu giờ vượng là sinh con trai.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai chầu miệng có dái tai to.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nầm nghiêng.

Cha có thắt sát là sinh con trai, quan tinh là sinh cùn gái. Mẹ có thắt sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Cung con cái Quý Cháu ở hưu, tú, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Trụ giờ Quý Cháu phạm tuần không, vong là khắc cha mẹ, người trụ ngày lâm tử tuyệt là trước 7 tuổi bệnh nhiều, sau 7 tuổi mới đỡ.

Quý Cháu Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thê nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Cháu có Tỷ kiêm nhiều, cả đời ít ốm đau.

Quý Cháu Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Cháu Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Quý Cháu có Thương quan trùng trùng, đè phòng đau ở eo, chân, xương.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm

thấy hiện tượng ngực dưới như bị thương, thở gấp, miệng khô khát.

Thổ kim tương sinh mà quá vượng, hay khí hư, thường đầy bụng, bí đại tiện, khát nước.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số túr trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sủu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đói... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu hãy nhìn bản điểm.

| Vòng Trường Sinh | Thai | Dưỡng | Trường Sinh | Mộc Dục | Quan Đói | Lâm Quan | Đế Vượng | Suy | Bệnh | Tử | Mộ | Tuyệt |
|------------------|------|-------|-------------|---------|----------|----------|----------|-----|------|----|----|-------|
| Điểm | 4.1 | 4.1 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 5.1 | 4.8 | 3 | 3 | 3.1 |

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ân**(Chánh Ân), **Kiêu**(Phiến Ân, Thiên Ân), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túr trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bô cục các sao của trụ..., nếu Quý Cháu chưa biết gì về túr trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận kho(phá mở kho).

| Trụ Năm 1980 | Trụ Tháng 04 | Trụ Ngày 16 | Trụ Giờ 17:17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--------------|-------------|---------------|------|------|-----|--------|------|-------|-------|--|--------|-------|------|------|-----|----|------|-----|-------|-------|---|------|----|-----|----|-----|-------|----|----|------|----|-----|------|-----|-------|-----|--|-------|-------|-----|-----|-----|------|-------|----|
| <table border="1"><tr><td>Thương</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>CANH</td><td>THÂN</td></tr><tr><td>Canh</td><td>Mậu</td></tr><tr><td>Thương</td><td>Kiếp</td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>Q.Đói</td></tr></table> | Thương | Dưỡng | CANH | THÂN | Canh | Mậu | Thương | Kiếp | Dưỡng | Q.Đói | <table border="1"><tr><td>Thương</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>CANH</td><td>THİN</td></tr><tr><td>Mậu</td><td>Át</td></tr><tr><td>Kiếp</td><td>Sát</td></tr><tr><td>Q.Đói</td><td>Q.Đói</td></tr></table> | Thương | Dưỡng | CANH | THİN | Mậu | Át | Kiếp | Sát | Q.Đói | Q.Đói | <table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KY</td><td>MÙI</td><td>Q.Đói</td></tr><tr><td>Kỷ</td><td>Át</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>Tỷ</td><td>Sát</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Suy</td><td>Q.Đói</td><td>Suy</td></tr></table> | Thần | Tỷ | Suy | KY | MÙI | Q.Đói | Kỷ | Át | Đinh | Tỷ | Sát | Kiêu | Suy | Q.Đói | Suy | <table border="1"><tr><td>T.Tài</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>QUÝ</td><td>DẬU</td></tr><tr><td>Tân</td><td>Thực</td></tr><tr><td>Thiên</td><td>Mộ</td></tr></table> | T.Tài | Dưỡng | QUÝ | DẬU | Tân | Thực | Thiên | Mộ |
| Thương | Dưỡng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| CANH | THÂN | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Canh | Mậu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thương | Kiếp | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Dưỡng | Q.Đói | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thương | Dưỡng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| CANH | THİN | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Mậu | Át | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Kiếp | Sát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Q.Đói | Q.Đói | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thần | Tỷ | Suy | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| KY | MÙI | Q.Đói | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Kỷ | Át | Đinh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tỷ | Sát | Kiêu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Suy | Q.Đói | Suy | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| T.Tài | Dưỡng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| QUÝ | DẬU | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tân | Thực | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thiên | Mộ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Cháu Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Trai

- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Cháu Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụ lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng

đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tői (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tői. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là

dần và mão hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tué vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net